

Số: 37/2022/CBTT-TCO

Hải Phòng, ngày 27 tháng 08 năm 2022

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải
  - Mã chứng khoán: TCO
  - Địa chỉ: Số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
  - Điện thoại liên hệ: 02253.978895 Fax: 02253.978895
  - E-mail: congbothongtin@tasagroup.com.vn

### 2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 đã được soát xét và giải trình.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 27/08/2022 tại đường dẫn:

<http://www.tasaduyenhai.com/vi/co-dong/thong-tin-tai-chinh.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

### **Tài liệu đính kèm:**

- BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 đã được soát xét và giải trình.

**Đại diện tổ chức**  
Người được Ủy quyền Công bố thông tin



**TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP**  
*Lê Khánh Toàn*

Hải Phòng, ngày 12 tháng 10 năm 2021

## GIẤY ỦY QUYỀN

(Số: 52.../TASA-UQ)

- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;

- Căn cứ vào quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;

- Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty,

**Người ủy quyền: Ông Đàm Mạnh Cường**

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CCCD số: 092084002925 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 30/12/2016.

**Người được ủy quyền: Ông Phan Thanh Bình**

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CCCD số: 031069006598 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 12/12/2019.

### Nội dung ủy quyền:

1. Trong phạm vi quyền hạn của mình, Ông Đàm Mạnh Cường ủy quyền cho Ông Phan Thanh Bình ký Báo cáo tài chính và các văn bản giải trình liên quan đến Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

2. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Người ủy quyền, Công ty và trước pháp luật về công việc được ủy quyền.

3. Thời hạn ủy quyền: Việc ủy quyền này có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký giấy ủy quyền.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Phan Thanh Bình**

**NGƯỜI ỦY QUYỀN  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Đàm Mạnh Cường**

Số: 34/CV-TASA DH - 2022

Hải Phòng, ngày 26 tháng 08 năm 2022

(V/v: Giải trình chênh lệch KQHĐKD trước và sau kiểm toán BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022)

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ Phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải.
2. Mã chứng khoán: TCO
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 Đường đi Đình Vũ, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP Hải Phòng.
4. Điện thoại: 02253.978.895 Fax: 02253.978.895

(Đơn vị tính: Đồng)

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 sau kiểm toán	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 trước kiểm toán	Chênh lệch	
			+/-	%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	781,224,572,534	781,224,572,534	-	0.00%
Giá vốn hàng bán	764,601,682,500	764,601,682,500	-	0.00%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16,622,890,034	16,622,890,034	-	0.00%
Doanh thu hoạt động tài chính	3,608,359,320	3,608,359,320	-	0.00%
Chi phí tài chính	2,267,000,595	2,267,000,595	-	0.00%
Chi phí bán hàng	1,905,236,947	1,905,236,947	-	0.00%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8,573,445,243	8,061,950,245	511,494,998	6.34%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7,485,560,888	7,997,055,886	(511,494,998)	-6.40%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,515,032,177	1,599,411,177	(84,379,000)	-5.28%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5,970,528,711	6,397,644,709	(427,115,998)	-6.68%

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất tại BCTC giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 sau kiểm toán giảm 6.68% so với trước kiểm toán nguyên nhân chủ yếu do Công ty Mẹ điều chỉnh hạch toán đưa một số chi phí chưa phân bổ 06 tháng còn lại vào chi phí hợp lý trong kỳ. Vì vậy, chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty sau kiểm toán tăng 6.34% so với số báo cáo trước kiểm toán.

Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu.



TỔNG GIÁM ĐỐC

*Phan Thanh Bình*  
TỔNG GIÁM ĐỐC

Số: 35/ CV-TASA DH - 2022

Hải Phòng, ngày 26 tháng 08 năm 2022

(V/v: Giải trình chênh lệch KQHĐKD của  
BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kết  
thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021)

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ Phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải.
2. Mã chứng khoán: TCO
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 Đường đi Đình Vũ, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP Hải Phòng.
4. Điện thoại: 02253.978.895 Fax: 02253.978.895

(Đơn vị tính: Đồng)

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021	Chênh lệch	
			+/-	%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	781,224,572,534	85,307,638,705	695,916,933,829	815.77%
Giá vốn hàng bán	764,601,682,500	68,516,549,731	696,085,132,769	1015.94%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16,622,890,034	16,791,088,974	(168,198,940)	-1.00%
Doanh thu hoạt động tài chính	3,608,359,320	54,601,264,450	(50,992,905,130)	-93.39%
Chi phí tài chính	2,267,000,595	17,745,972	2,249,254,623	12674.73%
Chi phí bán hàng	1,905,236,947	184,724,226	1,720,512,721	931.40%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8,573,445,243	8,434,364,007	139,081,236	1.65%
Lợi nhuận khác	(5,681)	1,789,460,158	(1,789,463,414)	-100.00%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7,485,560,888	64,544,979,377	(57,059,418,489)	-88.40%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,515,032,177	2,947,446,433	(1,432,414,256)	-48.60%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5,970,528,711	61,812,940,231	(55,842,411,520)	-90.34%

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất tại BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 giảm 90.34% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Khoản mục doanh thu hoạt động tài chính 06 tháng đầu năm 2022 giảm 93.40% so với cùng kỳ năm ngoái do: Trong 06 tháng đầu năm 2021, Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty con. Vì vậy, 06 tháng đầu năm 2021 Công ty ghi nhận khoản lãi doanh thu tài chính. Trong 06 tháng đầu năm 2022, Công ty không có khoản doanh thu tài chính này.



- Chi phí tài chính 06 tháng đầu năm 2022 tăng 12674.73% so với cùng kỳ năm ngoái: Trong 06 tháng năm 2022, Công ty CP Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia (Công ty con) có phát sinh chi phí lãi vay để kinh doanh.

- Trong 06 tháng đầu năm 2021, Công ty mẹ thu được khoản lợi nhuận từ bán phương tiện vận tải. 06 tháng đầu năm 2022, Công ty không có các khoản thu này.

Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình.

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Phan Thanh Bình*



# **Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc và phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	2 - 3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 37

# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 14 tháng 3 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 09/2012/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 27 tháng 2 năm 2012.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sửa chữa máy móc, thiết bị; cung cấp dịch vụ logistics và dịch vụ đại lý tàu biển; và kinh doanh xăng dầu.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có một (1) công ty con trực tiếp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HDQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Phan Thanh Bình	Phó Chủ tịch
Ông Đào Việt Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên độc lập

### ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HDQT

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Chủ tịch
Ông Đào Việt Anh	Thành viên

### TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Thanh Bình.

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đàm Mạnh Cường.

Ông Phan Thanh Bình được Ông Đàm Mạnh Cường ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Thư ủy quyền số 52/TASA-UQ ngày 12 tháng 10 năm 2021.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.



Phan Thanh Bình  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

## PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt HĐQT:



Đào Mạnh Cường  
Chủ tịch HĐQT

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 61833901/66762635/LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc***

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### ***Vấn đề khác***

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 30 tháng 3 năm 2022. Ngoài ra, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, trình bày như số liệu so sánh, chưa được soát xét.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Quốc Hoàng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2787-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>430.990.366.980</b>	<b>363.291.599.162</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>17.699.780.848</b>	<b>9.075.499.110</b>
111	1. Tiền		17.699.780.848	9.075.499.110
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>387.153.047.107</b>	<b>340.213.700.197</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	5	27.864.085.530	27.879.637.613
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	76.265.690.072	89.806.523.000
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	283.023.271.505	222.527.539.584
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>24.799.183.260</b>	<b>13.804.797.649</b>
141	1. Hàng tồn kho		24.799.183.260	13.804.797.649
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.338.355.765</b>	<b>197.602.206</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	272.979.409	162.439.685
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	1.065.376.356	35.162.521
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>19.184.121.447</b>	<b>14.252.348.692</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>473.808.000</b>	<b>473.808.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	473.808.000	473.808.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>15.617.384.544</b>	<b>12.711.247.380</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	8.826.025.622	5.865.648.980
222	Nguyên giá		11.585.071.602	7.948.707.966
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.759.045.980)	(2.083.058.986)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	6.791.358.922	6.845.598.400
228	Nguyên giá		6.923.995.260	6.923.995.260
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(132.636.338)	(78.396.860)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>2.032.519.276</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	2.032.519.276	-
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.060.409.627</b>	<b>1.067.293.312</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.060.409.627	1.067.293.312
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>450.174.488.427</b>	<b>377.543.947.854</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>136.522.843.505</b>	<b>67.751.542.675</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>135.909.986.375</b>	<b>64.220.247.097</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	10.424.096.818	9.066.712.539
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.981.601.761	9.318.529.501
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	885.524.552	2.392.160.114
314	4. Phải trả người lao động		891.045.900	1.171.001.200
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	466.546.400	474.891.471
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	2.434.398.221	854.517.701
320	7. Vay ngắn hạn	18	117.452.113.648	40.779.571.464
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	1.374.659.075	162.863.107
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>612.857.130</b>	<b>3.531.295.578</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	15.000.000	15.000.000
338	2. Vay dài hạn	18	597.857.130	3.516.295.578
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>313.651.644.922</b>	<b>309.792.405.179</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>313.651.644.922</b>	<b>309.792.405.179</b>
411	1. Vốn cổ phần	20.1	187.110.000.000	187.110.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		187.110.000.000	187.110.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	20.1	29.926.933.100	29.926.933.100
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	20.1	1.893.429.039	944.565.060
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20.1	260.870.979	-
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.1	58.226.208.339	56.246.799.875
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		52.925.775.949	20.030.200.930
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		5.300.432.390	36.216.598.945
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	20.5	36.234.203.465	35.564.107.144
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>450.174.488.427</b>	<b>377.543.947.854</b>



Nguyễn Thu Thủy  
Người lập/Kế toán trưởng




Phan Thanh Bình  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (chưa soát xét)
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	781.224.572.534	85.307.638.705
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	764.601.682.500	68.516.549.731
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.622.890.034	16.791.088.974
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	3.608.359.320	54.601.264.450
22	5. Chi phí tài chính	23	2.267.000.595	17.745.972
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.266.936.674	17.624.307
25	6. Chi phí bán hàng	24	1.905.236.947	184.724.226
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8.573.445.243	8.434.364.007
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.485.566.569	62.755.519.219
31	9. Thu nhập khác		114	1.789.463.528
32	10. Chi phí khác		5.795	3.370
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác		(5.681)	1.789.460.158
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.485.560.888	64.544.979.377
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	1.515.032.177	2.947.446.433
52	14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.1	-	(215.407.287)
60	15. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		5.970.528.711	61.812.940.231
61	16. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		5.300.432.390	61.878.094.557
62	17. Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	20.5	670.096.321	(65.154.326)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	20.4	275	3.588
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	20.4	275	3.588

  
Nguyễn Thu Thủy  
Người lập/Kế toán trưởng

  
Phan Thanh Bình  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (chưa soát xét)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>7.485.560.888</b>	<b>64.544.979.377</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ")	10, 11	730.226.472	5.406.295.201
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.427.755)	78.165
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.602.044.617)	(54.361.027.992)
06	Chi phí lãi vay		2.266.936.674	17.624.307
07	Các khoản điều chỉnh khác		-	(734.461.394)
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>6.877.251.662</b>	<b>14.873.487.664</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(44.369.560.745)	(223.099.340.474)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(10.994.385.611)	2.121.128.682
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(4.767.858.396)	20.809.684.335
12	Tăng chi phí trả trước		(103.656.039)	(1.057.848.842)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		-	(31.057.440.900)
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.266.936.674)	(17.624.307)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.928.662.655)	(912.371.507)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(899.493.000)	(1.293.141.532)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(59.453.301.458)</b>	<b>(219.633.466.881)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		(5.668.882.912)	(2.482.382.500)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		-	1.379.545.454
24	Tiền thu hồi cho vay		-	7.300.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		-	157.363.959.423
27	Lãi tiền gửi được nhận		2.044.617	493.798.462
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(5.666.838.295)</b>	<b>164.054.920.839</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (chưa soát xét)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	18	138.413.246.500	10.264.110.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(64.659.142.764)	(4.572.830.000)
36	Cổ tức đã trả		(13.110.000)	(68.247.300)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>73.740.993.736</b>	<b>5.623.032.700</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>8.620.853.983</b>	<b>(49.955.513.342)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu kỳ</b>		<b>9.075.499.110</b>	<b>64.406.958.140</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.427.755	(78.165)
<b>70</b>	<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>17.699.780.848</b>	<b>14.451.366.633</b>



Nguyễn Thu Thủy  
Người lập/Kế toán trưởng



Phan Thanh Bình  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 14 tháng 3 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 09/2012/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 27 tháng 2 năm 2012.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) là dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sửa chữa máy móc, thiết bị; cung cấp dịch vụ logistics và dịch vụ đại lý tàu biển; và kinh doanh xăng dầu.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 78 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 67).

**Cơ cấu tổ chức**

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có một (1) công ty con như sau:

Công ty con	Địa chỉ	Hoạt động	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết (%)	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia	Thành phố Hồ Chí Minh (“TP.HCM”)	Kinh doanh xăng dầu	50,70	50,70

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Công ty con được hợp nhất giữa niên độ toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất giữa niên độ cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất giữa niên độ được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa, phụ tùng thay thế, và công cụ, dụng cụ - chi phí mua thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

##### *Hàng hóa bất động sản*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Các quyền sử dụng đất*

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

**3.6 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	48 - 49 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	2 - 7 năm
Máy móc thiết bị	2 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 5 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng; và
- ▶ Chi phí nâng cấp tài sản đi thuê.

#### 3.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí đất, chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

#### 3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là không quá mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.14 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình

**3.15 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

**3.16 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

*Quỹ phát triển thị trường*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng và phát triển thị trường kinh doanh của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

#### 3.18 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.19 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	3.876.523.854	3.040.770.266
Tiền gửi ngân hàng	13.823.256.994	6.034.728.844
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.699.780.848</b>	<b>9.075.499.110</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty TNHH Kinh doanh và Xuất Nhập khẩu Trường Thịnh	6.066.293.200	4.873.912.453
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại Hải Linh	4.390.454.000	2.518.100.000
Công ty TNHH Tuyết	3.945.106.000	3.938.756.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Lub Oil	2.886.000.000	-
Khác	10.576.232.330	16.548.869.160
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.864.085.530</b>	<b>27.879.637.613</b>

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng với giá trị 12.542.466.437 VND đang được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc (Thuyết minh số 18)

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty TNHH Tân Đại Tiến Bình Thuận (*)	70.160.904.000	70.160.904.000
Khác	6.104.786.072	19.645.619.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>76.265.690.072</b>	<b>89.806.523.000</b>

(\*) Đây là khoản trả trước cho Công ty TNHH Tân Đại Tiến Bình Thuận để thuê lại quyền sử dụng đất tọa lạc tại Tỉnh Bình Thuận. Vào ngày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Nhóm Công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết để nhận bàn giao lô đất trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>	<b>283.023.271.505</b>	<b>222.527.539.584</b>
Tạm ứng nhân viên để thực hiện hoạt động kinh doanh	123.807.399.000	66.259.968.400
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	105.600.000.000	105.600.000.000
Đặt cọc nhận chuyển nhượng khoản đầu tư (ii)	45.000.000.000	45.000.000.000
Lãi hợp tác đầu tư	8.520.000.000	4.920.000.000
Khác	95.872.505	747.571.184
<b>Dài hạn</b>	<b>473.808.000</b>	<b>473.808.000</b>
Kỳ quỹ	473.808.000	473.808.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>283.497.079.505</b>	<b>223.001.347.584</b>

(i) Chi tiết các khoản hợp đồng hợp tác đầu tư đang trong quá trình triển khai đầu tư dự án như sau:

		VND	
Bên nhận hợp tác	Nội dung	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty TNHH Thương mại TTRICE	Góp vốn đầu tư và nhận phân chia lợi nhuận theo thỏa thuận từ dự án Nhà máy xay xát và kho dự trữ lương thực tọa lạc tại Tỉnh An Giang, Việt Nam	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Gia Định	Góp vốn để bổ sung nguồn vốn hợp tác để nhận quyền ưu tiên cung cấp dịch vụ logistic và lợi nhuận theo thỏa thuận	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH HV Investment	Góp vốn để bổ sung nguồn vốn hợp tác để nhận quyền ưu tiên cung cấp dịch vụ logistic và lợi nhuận theo thỏa thuận	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phú	Góp vốn đầu tư và nhận phân chia lợi nhuận theo thỏa thuận từ dự án bất động sản tọa lạc tại Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	5.600.000.000	5.600.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>105.600.000.000</b>	<b>105.600.000.000</b>

(ii) Đây là khoản đặt cọc cho Ông Nguyễn Thanh Phong để nhận chuyển nhượng 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Gavi. Vào ngày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục pháp lý để nhận chuyển nhượng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Hàng hóa	24.739.587.119	13.720.130.618
Công cụ, dụng cụ	59.596.141	84.667.031
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>24.799.183.260</u></b>	<b><u>13.804.797.649</u></b>

Hàng hóa với giá trị 24.739.587.119 VND được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc (Thuyết minh số 18).

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>	<b>272.979.409</b>	<b>162.439.685</b>
Công cụ, dụng cụ	241.980.884	64.046.940
Khác	30.998.525	98.392.745
<b>Dài hạn</b>	<b>1.060.409.627</b>	<b>1.067.293.312</b>
Công cụ, dụng cụ	690.044.014	674.949.956
Chi phí cải tạo văn phòng	340.714.194	348.291.670
Khác	29.651.419	44.051.686
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.333.389.036</u></b>	<b><u>1.229.732.997</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

					VND
	<i>Nhà xưởng và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.531.757.025	2.893.674.715	345.380.408	3.177.895.818	7.948.707.966
Mua mới	3.636.363.636	-	-	-	3.636.363.636
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>5.168.120.661</u>	<u>2.893.674.715</u>	<u>345.380.408</u>	<u>3.177.895.818</u>	<u>11.585.071.602</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	31.348.182	43.727.274	-	75.075.456
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	(150.000.020)	(1.207.933.083)	(69.843.012)	(655.282.871)	(2.083.058.986)
Khấu hao trong kỳ	(82.939.254)	(301.105.440)	(160.752.228)	(131.190.072)	(675.986.994)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>(232.939.274)</u>	<u>(1.509.038.523)</u>	<u>(230.595.240)</u>	<u>(786.472.943)</u>	<u>(2.759.045.980)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>1.381.757.005</u>	<u>1.685.741.632</u>	<u>275.537.396</u>	<u>2.522.612.947</u>	<u>5.865.648.980</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>4.935.181.387</u>	<u>1.384.636.192</u>	<u>114.785.168</u>	<u>2.391.422.875</u>	<u>8.826.025.622</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Thế chấp để đảm bảo cho các     khoản vay (Thuyết minh số 18)</i>	-	-	-	971.723.866	971.723.866

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>VND</i>
	<i>Quyền sử dụng đất</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>6.923.995.260</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	(78.396.860)
Hao mòn trong kỳ	<u>(54.239.478)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>(132.636.338)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>6.845.598.400</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>6.791.358.922</u>

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Xây dựng cửa hàng xăng dầu	1.884.519.276	-
Lắp đặt máy móc	148.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>2.032.519.276</u>	<u>-</u>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Hóa dầu Ressel	4.000.000.000	-
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen Việt Nam	3.230.486.855	3.145.718.158
Khác	3.193.609.963	5.920.994.381
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>10.424.096.818</u>	<u>9.066.712.539</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty TNHH Nhiên liệu Xăng dầu Sài Gòn	1.435.500.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch Vụ Lub Oil	-	9.083.500.000
Các bên khác	546.101.761	235.029.501
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.981.601.761</b>	<b>9.318.529.501</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.092.080.632	1.515.032.177	(2.928.662.655)	678.450.154
Thuế giá trị gia tăng	78.270.514	73.910.061.024	(73.818.086.653)	170.244.885
Thuế thu nhập cá nhân	221.808.968	391.292.593	(576.272.048)	36.829.513
Thuế khác	-	18.000.000	(18.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.392.160.114</b>	<b>75.834.385.794</b>	<b>(77.341.021.356)</b>	<b>885.524.552</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	35.162.521	1.053.876.992	(23.663.157)	1.065.376.356

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí phải trả hãng tàu	466.546.400	474.891.471

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.434.398.221</b>	<b>854.517.701</b>
Cổ tức phải trả	618.546.300	631.656.300
Phải trả khác	1.815.851.921	222.861.401
<b>Dài hạn</b>	<b>15.000.000</b>	<b>15.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	15.000.000	15.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.449.398.221</b>	<b>869.517.701</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Phân loại lại	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>40.779.571.464</b>	<b>138.413.246.500</b>	<b>(61.873.561.464)</b>	<b>132.857.148</b>	<b>117.452.113.648</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	37.779.571.464	138.413.246.500	(58.873.561.464)	-	117.319.256.500
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.2)	-	-	-	132.857.148	132.857.148
Vay cá nhân	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	-	-
<b>Vay dài hạn</b>	<b>3.516.295.578</b>	<b>-</b>	<b>(2.785.581.300)</b>	<b>(132.857.148)</b>	<b>597.857.130</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)	3.516.295.578	-	(2.785.581.300)	(132.857.148)	597.857.130
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>44.295.867.042</b>	<b>138.413.246.500</b>	<b>(64.659.142.764)</b>	<b>-</b>	<b>118.049.970.778</b>

**18.1 Vay ngắn hạn**

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Chính sách Xã hội	180.610.000	Ngày 20 tháng 8 năm 2022	0	Tài trợ thanh toán lương nhân viên	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Long An	97.138.646.500	Từ ngày 8 tháng 8 năm 2022 đến ngày 5 tháng 10 năm 2022	7,0	Tài trợ vốn lưu động	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Khu phố 2, Phường Cát Lái, Thành phố Thủ Đức
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc	20.000.000.000	Ngày 27 tháng 7 năm 2022	7,0	Tài trợ vốn lưu động	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tọa lạc tại Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Cần Thơ. Toàn bộ hàng tồn kho. Một số khoản phải thu phát sinh từ hoạt động kinh doanh.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>117.319.256.500</b>				



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Vay ngân hàng dài hạn

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	<u>730.714.278</u>	Từ ngày 22 tháng 7 năm 2022 đến ngày 22 tháng 12 năm 2027	6,5	Tài trợ mua xe	Xe ô tô biển số 51H-482.85
Trong đó:					
Vay dài hạn	597.857.130				
Vay dài hạn đến hạn trả	132.857.148				

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	162.863.107	170.160.767
Trích lập	1.423.295.968	584.327.840
Sử dụng quỹ	<u>(211.500.000)</u>	<u>(482.075.500)</u>
Số cuối kỳ	<u>1.374.659.075</u>	<u>272.413.107</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	VND						
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (chưa soát xét)</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	187.110.000.000	9.287.359.500	(22.095.490.500)	6.737.900.615	108.532.185	15.599.430.307	196.747.732.107
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	61.878.094.557	61.878.094.557
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	197.346.978	389.548.109	(1.171.222.927)	(584.327.840)
Thanh lý công ty con	-	485.000.000	-	(5.994.212.090)	-	5.509.212.090	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(498.080.294)	-	(498.080.294)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con mà không mất quyền kiểm soát	-	-	-	3.529.557	-	45.020	3.574.577
Khác	-	-	-	-	-	180.726.439	180.726.439
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	<b>187.110.000.000</b>	<b>9.772.359.500</b>	<b>(22.095.490.500)</b>	<b>944.565.060</b>	<b>-</b>	<b>81.996.285.486</b>	<b>257.727.719.546</b>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	187.110.000.000	29.926.933.100	-	944.565.060	-	56.246.799.875	274.228.298.035
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	5.300.432.390	5.300.432.390
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	948.863.979	948.863.979	(3.321.023.926)	(1.423.295.968)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(687.993.000)	-	(687.993.000)
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>	<b>187.110.000.000</b>	<b>29.926.933.100</b>	<b>-</b>	<b>1.893.429.039</b>	<b>260.870.979</b>	<b>58.226.208.339</b>	<b>277.417.441.457</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt việc trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ phát triển thị trường với giá trị tương ứng là 948.863.979 VND, 1.423.295.968 VND và 948.863.979 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (chưa soát xét)
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu kỳ và cuối kỳ	<u>187.110.000.000</u>	<u>187.110.000.000</u>

**20.3 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu		
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	18.711.000	18.711.000	18.711.000
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b> Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	18.711.000	18.711.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b> Cổ phiếu phổ thông	-	-	1.982.924
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	18.711.000	16.728.076

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.4 Lãi trên mỗi cổ phiếu**

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (chưa soát xét)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.300.432.390	61.878.094.557
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	<u>(153.950.232)</u>	<u>(1.856.342.132)</u>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	5.146.482.158	60.021.752.425
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	<u>18.711.000</u>	<u>16.728.076</u>
<b>Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ đã được điều chỉnh</b>	18.711.000	16.728.076
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	275	3.588
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	275	3.588

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2022 được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 5 năm 2022.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được điều chỉnh giảm cho khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2021 được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 5 năm 2022.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**20.5 Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (chưa soát xét)</i>
Số đầu kỳ	35.564.107.144	3.456.376.709
Lợi nhuận (lỗ) thuần trong kỳ	670.096.321	(65.154.326)
Giảm do thanh lý công ty con	-	(3.266.023.068)
Phân phối lợi nhuận	-	(121.624.738)
Khác	<u>-</u>	<u>(3.574.577)</u>
Số cuối kỳ	<u>36.234.203.465</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (chưa soát xét)
Doanh thu bán hàng hóa	717.973.735.375	2.756.123.989
Doanh thu cước vận tải biển	40.745.914.271	10.299.771.019
Doanh thu dịch vụ bãi	13.298.468.309	15.625.087.792
Doanh thu vận tải	9.206.454.579	52.411.856.069
Doanh thu khác	-	4.214.799.836
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>781.224.572.534</b>	<b>85.307.638.705</b>

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (chưa soát xét)
Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.600.000.000	1.620.000.000
Lãi chuyển nhượng công ty con	-	52.487.684.076
Lãi tiền gửi	3.491.676	493.580.374
Khác	4.867.644	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.608.359.320</b>	<b>54.601.264.450</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (chưa soát xét)
Giá vốn hàng hóa đã bán	710.554.280.754	2.373.205.637
Giá vốn cước vận tải biển	34.409.294.270	8.584.109.585
Giá vốn dịch vụ bãi	11.237.603.257	11.910.293.664
Giá vốn dịch vụ vận tải	8.400.504.219	40.011.319.299
Giá vốn dịch vụ khác	-	5.637.621.546
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>764.601.682.500</b>	<b>68.516.549.731</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (chưa soát xét)</i>
		VND
Lãi vay	2.266.936.674	17.624.307
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	63.921	121.665
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.267.000.595</b>	<b>17.745.972</b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (chưa soát xét)</i>
		VND
Chi phí nhân viên	1.905.236.947	148.690.000
Khác	-	36.034.226
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.905.236.947</b>	<b>184.724.226</b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (chưa soát xét)</i>
		VND
Chi phí nhân viên	5.374.692.935	2.982.339.717
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.589.592.157	2.910.456.010
Chi phí khấu hao tài sản cố định	730.226.472	194.417.514
Phân bổ lợi thế thương mại	-	638.658.783
Khác	878.933.679	1.708.491.983
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.573.445.243</b>	<b>8.434.364.007</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (chưa soát xét)</i>
		VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	710.554.280.754	2.373.205.637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.847.508.155	56.208.764.990
Chi phí nhân viên	7.279.929.882	8.256.765.440
Chi phí khấu hao tài sản cố định	730.226.472	4.767.636.418
Chi phí nguyên vật liệu	125.756.147	2.059.094.413
Phân bổ lợi thế thương mại	-	638.658.783
Chi phí khác	542.663.280	2.831.512.283
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>775.080.364.690</b>	<b>77.135.637.964</b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (chưa soát xét)</i>
		VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.515.032.177	2.947.446.433
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	(215.407.287)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.515.032.177</b>	<b>2.732.039.146</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**27.1 Chi phí thuế TNDN** (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (chưa soát xét)</i>
		VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.485.560.888</b>	<b>64.544.979.377</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	1.497.112.177	12.908.995.875
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ	17.920.000	-
Lãi từ thanh lý công ty con ghi nhận ở cấp độ hợp nhất	-	(10.267.271.917)
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(175.871.734)
Lỗi thuế	-	(45.551.332)
Dự phòng suy giảm khoản đầu tư	-	300.948.174
Phân bổ lợi thế thương mại	-	127.731.757
Khác	-	(116.941.677)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>1.515.032.177</b>	<b>2.732.039.146</b>

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Phan Thanh Bình	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Ông Đào Việt Anh	Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Bà Nguyễn Thu Thủy	Kế toán trưởng
Ông Lê Khánh Toàn	Phụ trách quản trị
Bà Cao Thu Hằng	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ
Ông Nguyễn Duy Dinh	Cố đồng lớn
Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Bến Thành	Tổ chức có liên quan đến Thành viên HĐQT (đến ngày 10 tháng 3 năm 2022)
Bà Phạm Duy Như Quỳnh	Cố đồng lớn đến ngày 8 tháng 3 năm 2022
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Dầu tầm tơ Việt Nam	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Bách Phú Thịnh	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp lực	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tazon	Công ty có liên quan đến Phó Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Oriental Cove	Công ty có liên quan đến Phó Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần AllFarm	Công ty có liên quan đến Phó Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Thương mại DeliFarm	Công ty có liên quan đến Phó Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát	Công ty có liên quan đến Thành viên HĐQT



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thù lao và tiền lương của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán và Ban Kiểm toán Nội bộ trong kỳ như sau:

Cá nhân	Vị trí	Thù lao	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (chưa soát xét)
Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT	63.000.000	2.953.846
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT	48.000.000	-
Ông Phan Thanh Bình	Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT	282.687.000	240.943.000
Ông Đào Việt Anh	Thành viên HĐQT	28.000.000	53.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	28.000.000	-
Bà Cao Thu Hằng	Trưởng ban Kiểm toán Nội bộ	69.080.000	-
Bà Nguyễn Thu Thủy	Kế toán trưởng	165.427.000	141.831.000
Ông Lê Khánh Toàn	Phụ trách quản trị	145.339.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>829.533.000</b>	<b>438.727.846</b>

**29. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng, kho bãi theo các hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Dưới 1 năm	3.277.608.000	3.480.888.000
Từ 1 đến 5 năm	3.052.008.000	5.139.612.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.329.616.000</b>	<b>8.620.500.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận theo khu vực địa lý không được trình bày.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	VND			
	<i>Kinh doanh dịch vụ</i>	<i>Kinh doanh thương mại</i>	<i>Các khoản loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	63.250.837.159	717.973.735.375	-	781.224.572.534
<b>Doanh thu bộ phận</b>	<b>63.250.837.159</b>	<b>717.973.735.375</b>	<b>-</b>	<b>781.224.572.534</b>
Chi phí bộ phận	(61.069.915.776)	(714.010.448.914)	-	(775.080.364.690)
<b>Lợi nhuận bộ phận</b>	<b>2.180.921.383</b>	<b>3.963.286.461</b>	<b>-</b>	<b>6.144.207.844</b>
Thu nhập tài chính				1.341.358.725
Chi phí khác				(5.681)
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(1.515.032.177)
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>				<b>5.970.528.711</b>
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>323.175.860.852</b>	<b>198.998.627.575</b>	<b>(72.000.000.000)</b>	<b>450.174.488.427</b>
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>11.027.885.816</b>	<b>125.494.957.689</b>	<b>-</b>	<b>136.522.843.505</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	VND			
	<i>Kinh doanh dịch vụ</i>	<i>Kinh doanh thương mại</i>	<i>Các khoản loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (chưa soát xét)</b>				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	82.551.514.716	2.756.123.989	-	85.307.638.705
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	41.625.347.665	-	(41.625.347.665)	-
<b>Doanh thu bộ phận</b>	<b>124.176.862.381</b>	<b>2.756.123.989</b>	<b>(41.625.347.665)</b>	<b>85.307.638.705</b>
Chi phí bộ phận	(115.729.445.487)	(2.373.205.637)	40.967.013.160	(77.135.637.964)
<b>Lợi nhuận bộ phận</b>	<b>8.447.416.894</b>	<b>382.918.352</b>	<b>(658.334.505)</b>	<b>8.172.000.741</b>
Thu nhập tài chính				54.583.518.478
Lợi nhuận khác				1.789.460.158
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(2.732.039.146)
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>				<b>61.812.940.231</b>
Tài sản bộ phận	267.857.480.729	-	-	267.857.480.729
Nợ phải trả bộ phận	10.129.761.184	-	-	10.129.761.184

**31. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo Nghị quyết HĐQT số 05/2022/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 7 năm 2022, HĐQT Công ty đã phê duyệt việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Logistic Tasa Duyên Hải, công ty con 99% vốn của Công ty, với tổng vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND.

Theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 8 năm 2022, HĐQT Công ty đã phê duyệt việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia với giá chuyển nhượng không thấp hơn 75.600.000.000 VND.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Nguyễn Thu Thủy  
Người lập/Kế toán trưởng



Phan Thanh Bình  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2022